

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA**  
(Từ ngày 11 đến 20/11/2025)

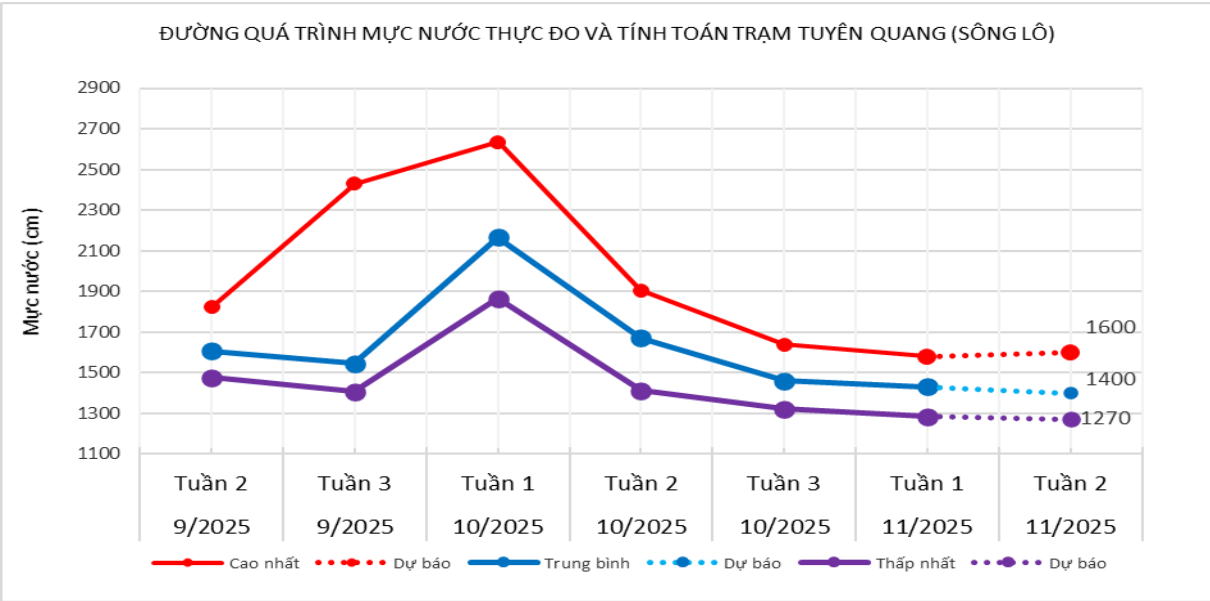
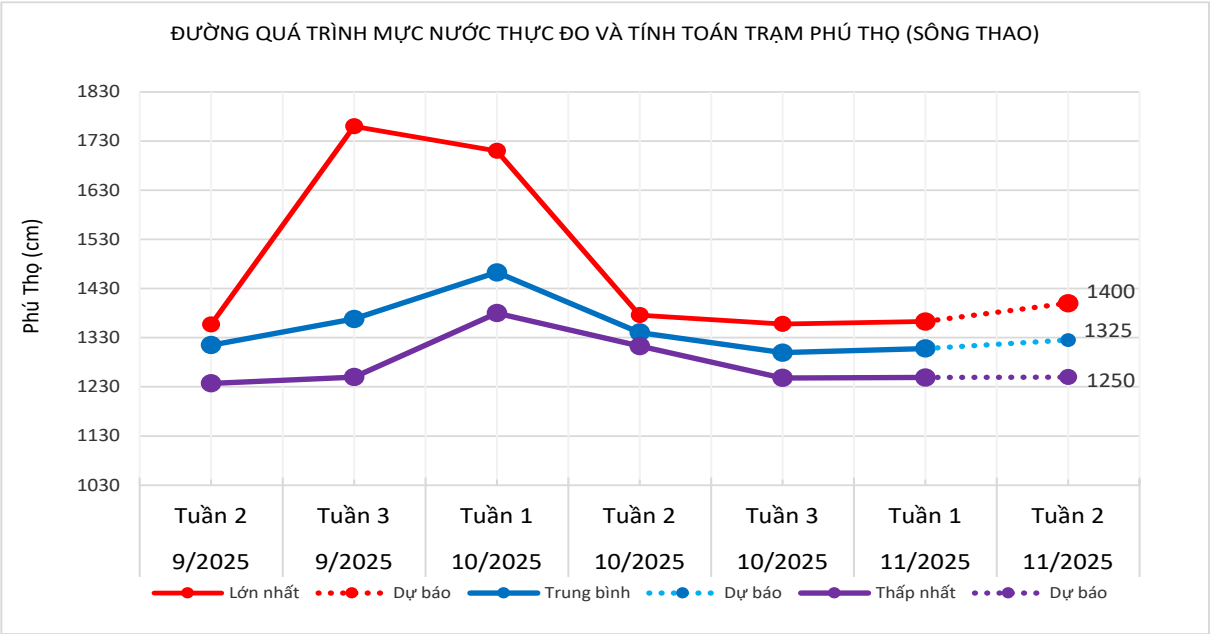
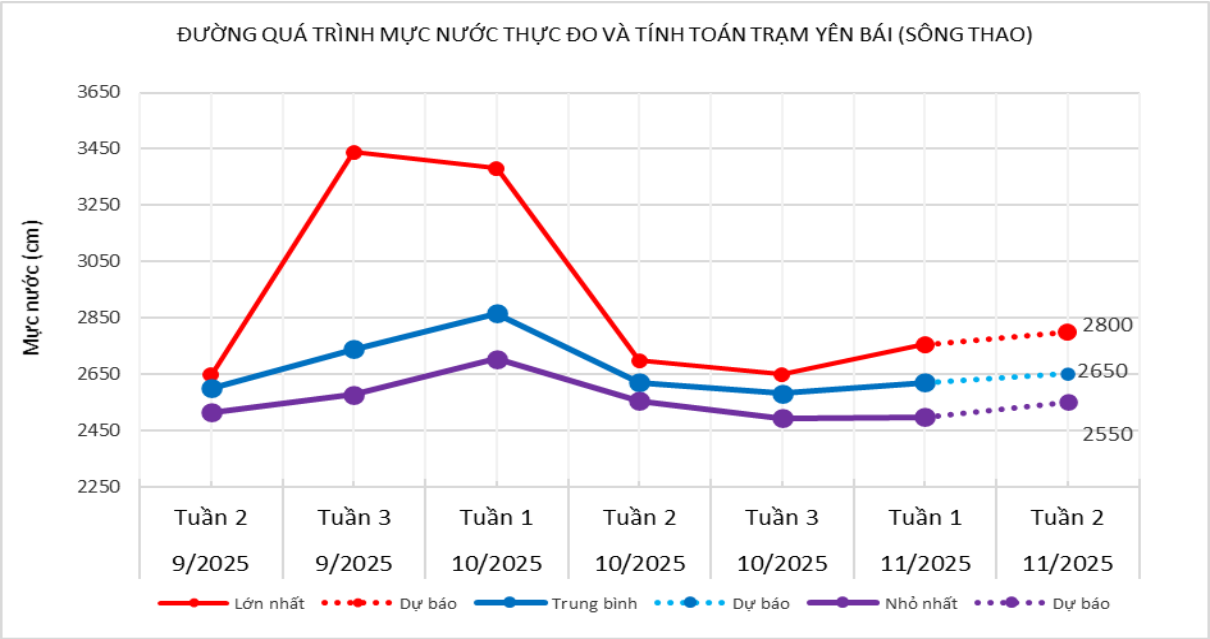
**1. Lưu vực sông Hồng**

**a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

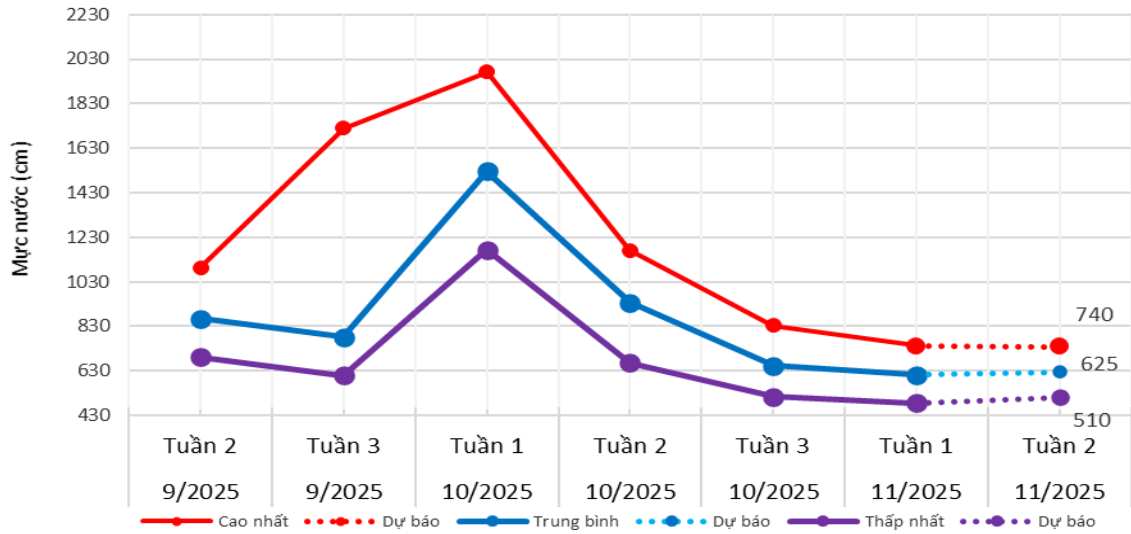
- Sông Thao: Trong thời kỳ từ 5-6/11, trên sông Thao xuất hiện 01 đợt lũ với biên độ nước lên từ 1-3m do mực nước thượng lưu lên nhanh.
- Sông Lô: Mực nước biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La theo xu thế tăng trong 2 ngày cuối do hồ Sơn La điều tiết mở 1 cửa xả đáy.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội có dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên. Trong thời kỳ 10 ngày qua hồ Hòa Bình, Tuyên Quang điều tiết mở 01 cửa xả đáy và hồ Thác Bà đều điều tiết mở 02 cửa xả mặt.

**b. Dự báo, cảnh báo**

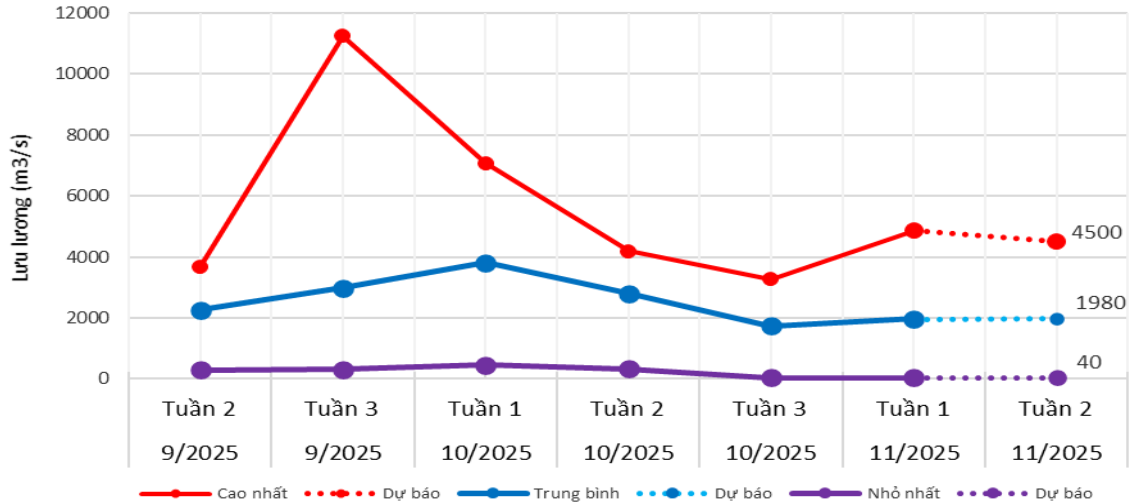
- Sông Thao: Trong 10 ngày tới, trên sông Thao mực nước có khả năng có dao động nhỏ trong thời kỳ đầu, sau biến đổi chậm.
- Sông Lô: Mực nước sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại Hà Nội tiếp tục dao động và chịu ảnh hưởng của thủy điện tuyến trên cũng như chịu ảnh hưởng của thủy triều.



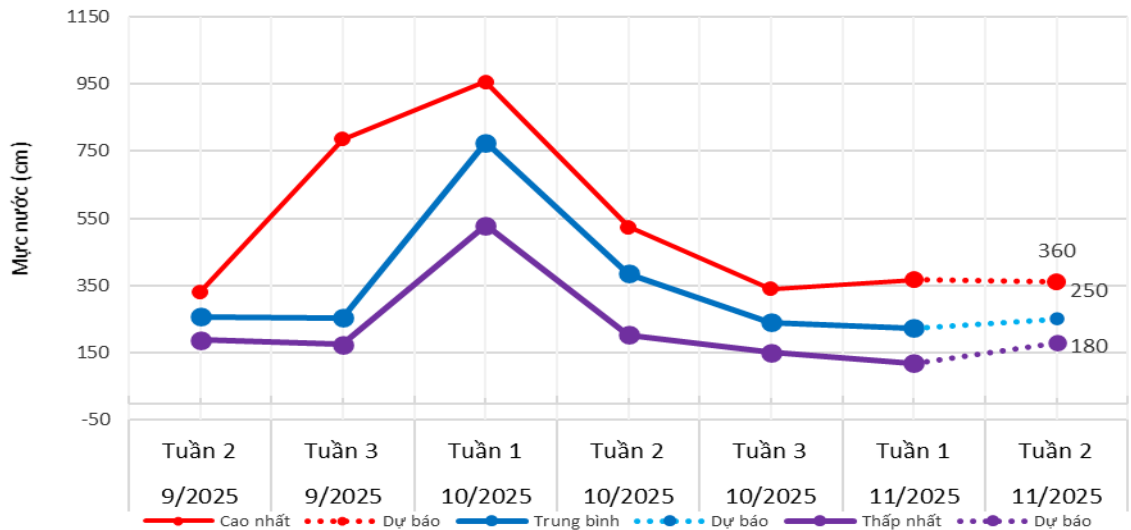
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH LƯU LƯỢNG THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÒA BÌNH (SÔNG ĐÀ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)



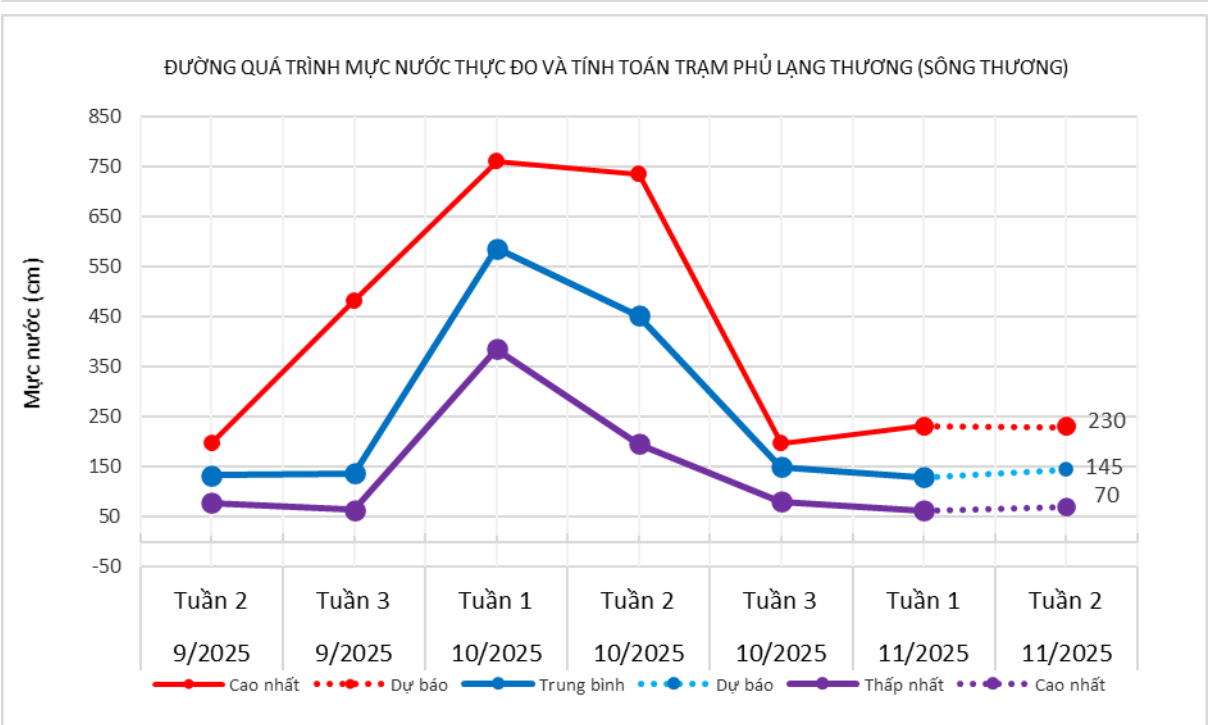
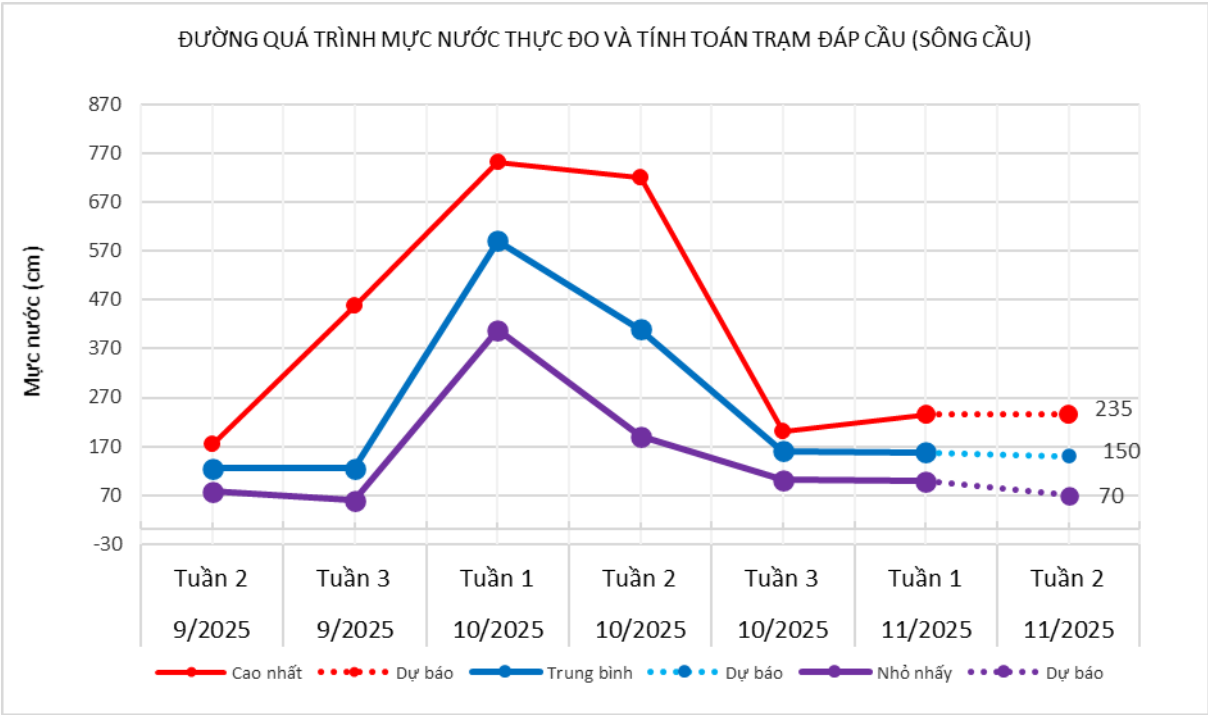
2. Lưu vực sông Thái Bình

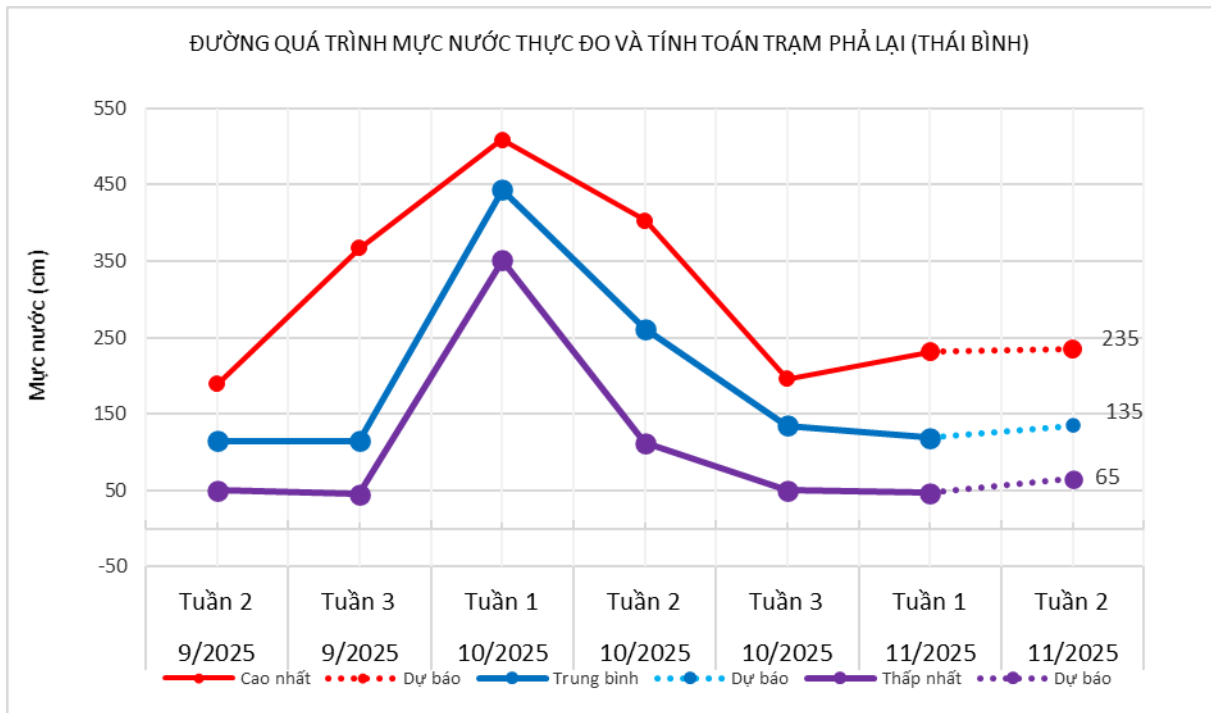
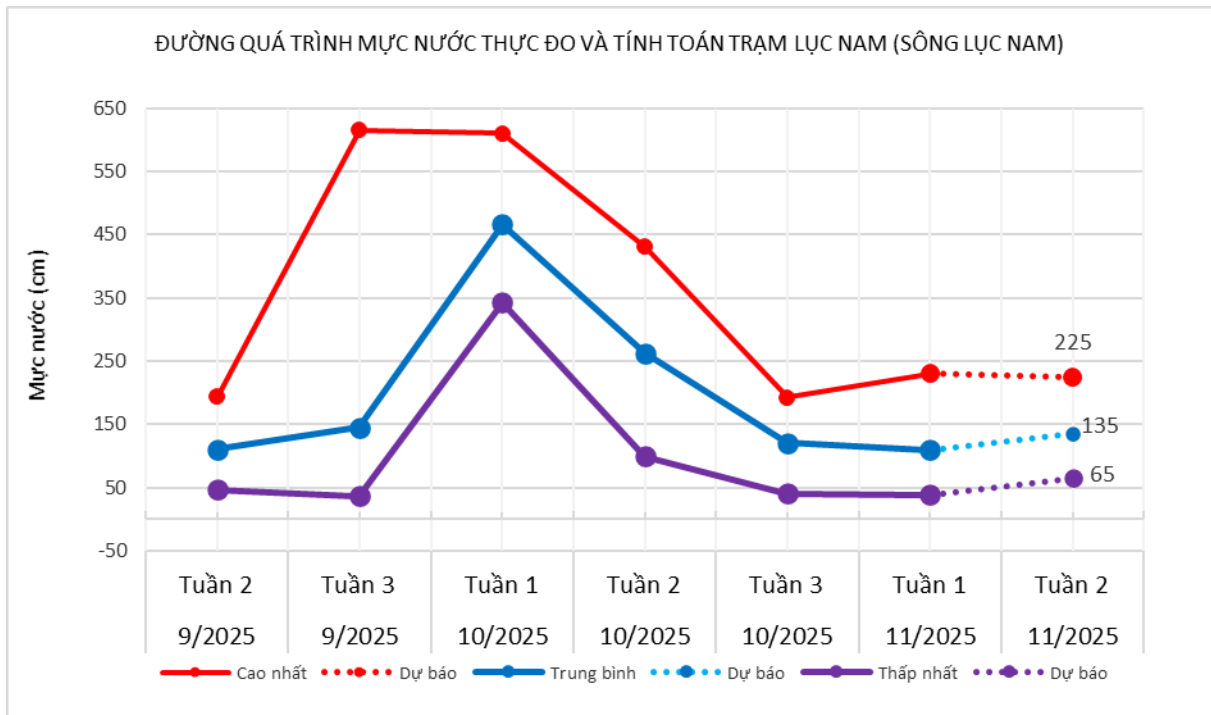
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trong 10 ngày qua, trên thượng lưu sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, mực nước biến đổi chậm; ở hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trong 10 ngày tới, trên các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình mực nước biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại tiếp tục dao động theo ảnh hưởng của thủy triều.





### 3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

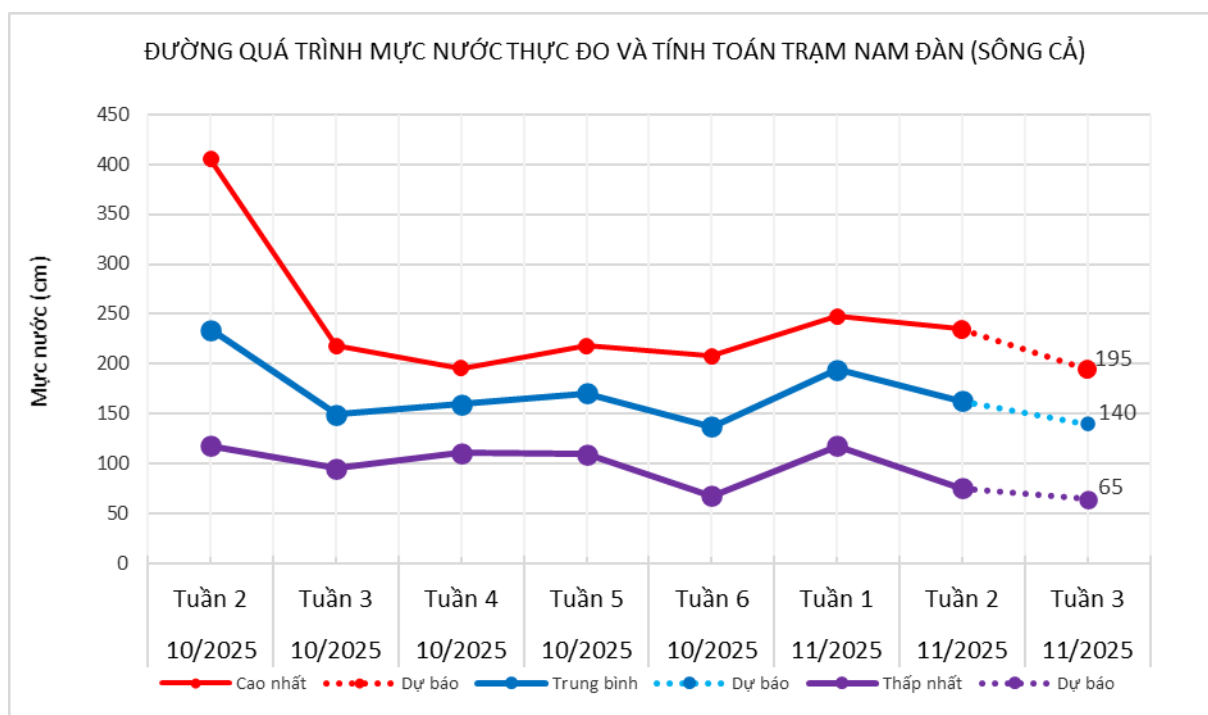
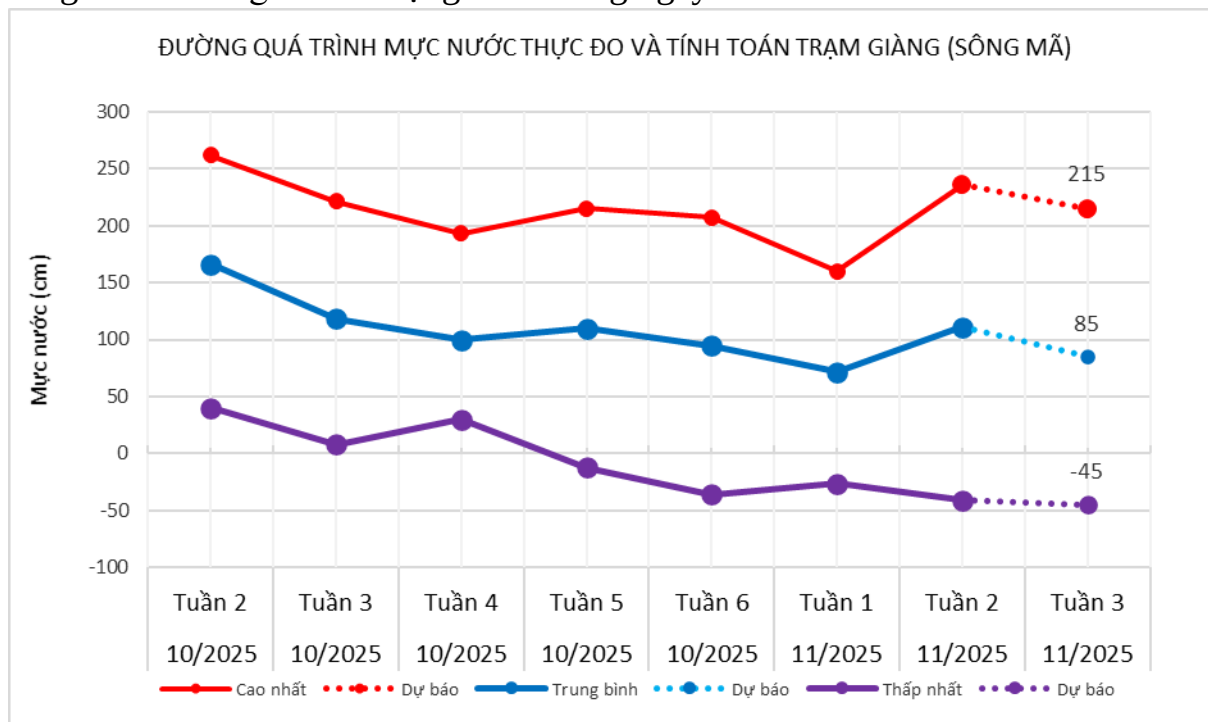
- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, trên sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố và hạ lưu các sông ở Thanh Hóa xuất hiện một đợt lũ nhỏ; mực nước đỉnh lũ thượng lưu sông Ngàn Sâu ở mức BĐ1, các sông khác còn dưới mức BĐ1; các sông khác biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.

- Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Từ ngày 07-09/11, trên các sông Quảng Trị đã xuất hiện 1 đợt lũ. Đỉnh lũ trên sông Gianh tại trạm Đồng Tâm 8,46m (01h/08/11), trên BĐ1 1,46m, sông Thạch Hãn tại trạm Thạch Hãn 3,06m

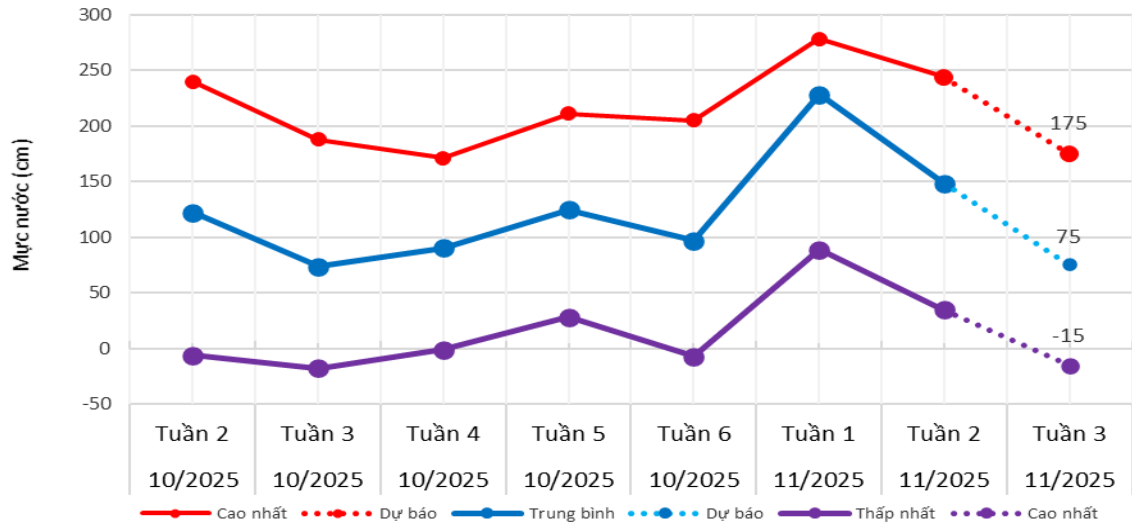
(13h/07/11), trên BĐ1 0,06m, các sông Thừa Thiên Huế dao động ở mức BĐ1 đến BĐ2, sau xuống dần.

**b. Dự báo, cảnh báo**

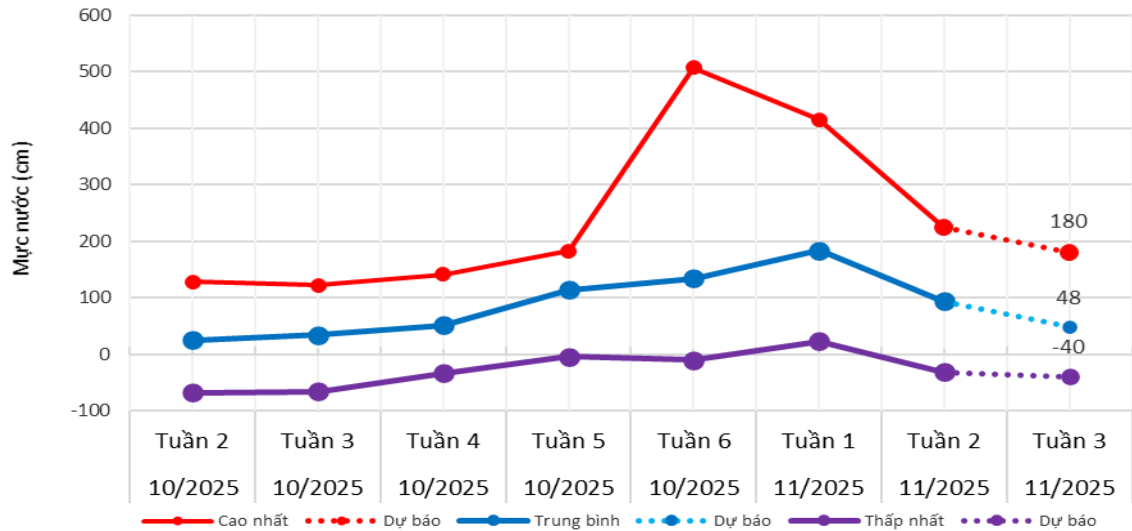
- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Mức nước thượng lưu các sông biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.
- Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần tới, mực nước trên các sông có khả năng có dao động vào những ngày cuối.



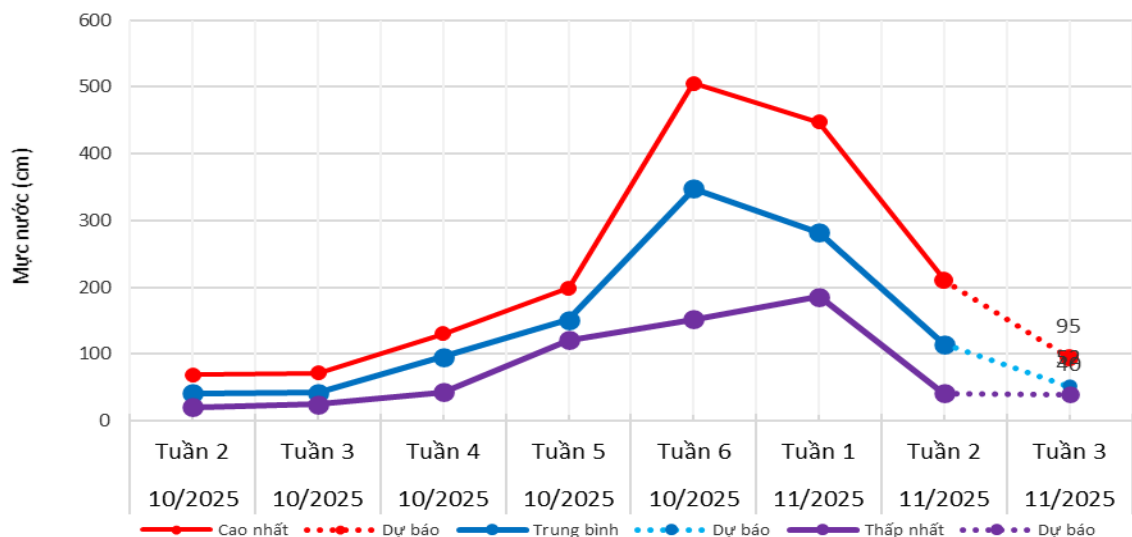
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM KIM LONG (SÔNG HƯƠNG)



#### 4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

##### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

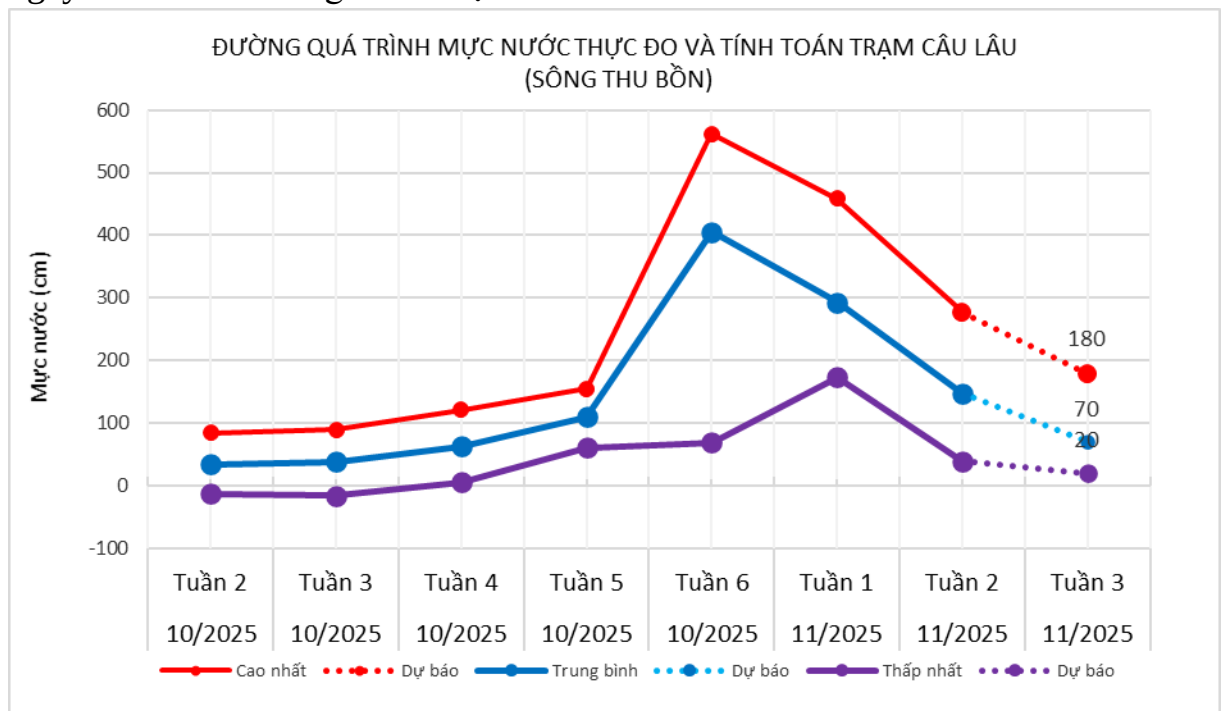
- Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần trên các sông ở TP. Đà Nẵng, Quảng Ngãi đã xuất hiện 1 đợt lũ. Đỉnh lũ trên sông Vu Gia tại trạm Ái Nghĩa 8,40m (06h/07/11), trên BĐ2 0,40m; trên sông Thu Bồn tại trạm Câu Lâu 2,78m (10h/07/11), dưới BĐ2 0,22m; đỉnh lũ sông Trà Khúc tại trạm Trà Khúc 5,27m (04h/07/11), trên BĐ2 0,27m; sông Vệ tại trạm Sông Vệ (Quảng Ngãi) 4,04m (04h/07/11), dưới BĐ3 0,46m.

- Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Trong 5 ngày qua, trên các sông đã xuất hiện một đợt lũ. Đỉnh lũ trên sông Kôn (Gia Lai) tại trạm Bình Nghi, Thanh Hòa ở mức BĐ1-BĐ2. Đỉnh lũ trên sông Ba (Gia Lai) tại trạm AyunPa lên mức 158,29m (06h/06/11), cao hơn BĐ3 2,29m; tại trạm An Khê ở mức 405,05m (22h/06/11) dưới BĐ2 0,45m. Đỉnh lũ trên sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn 34,25m (0h/08/11), dưới BĐ3 0,25m; tại trạm Phú Lâm 2,46m (07h/08/11), dưới mức BĐ2 0,24m.

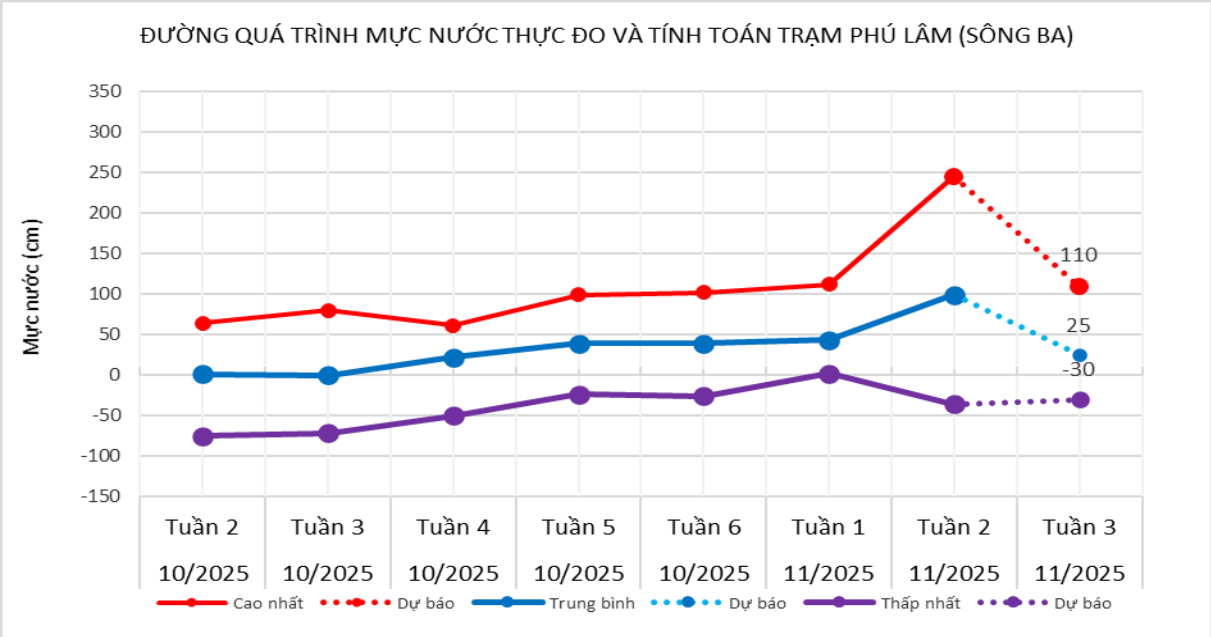
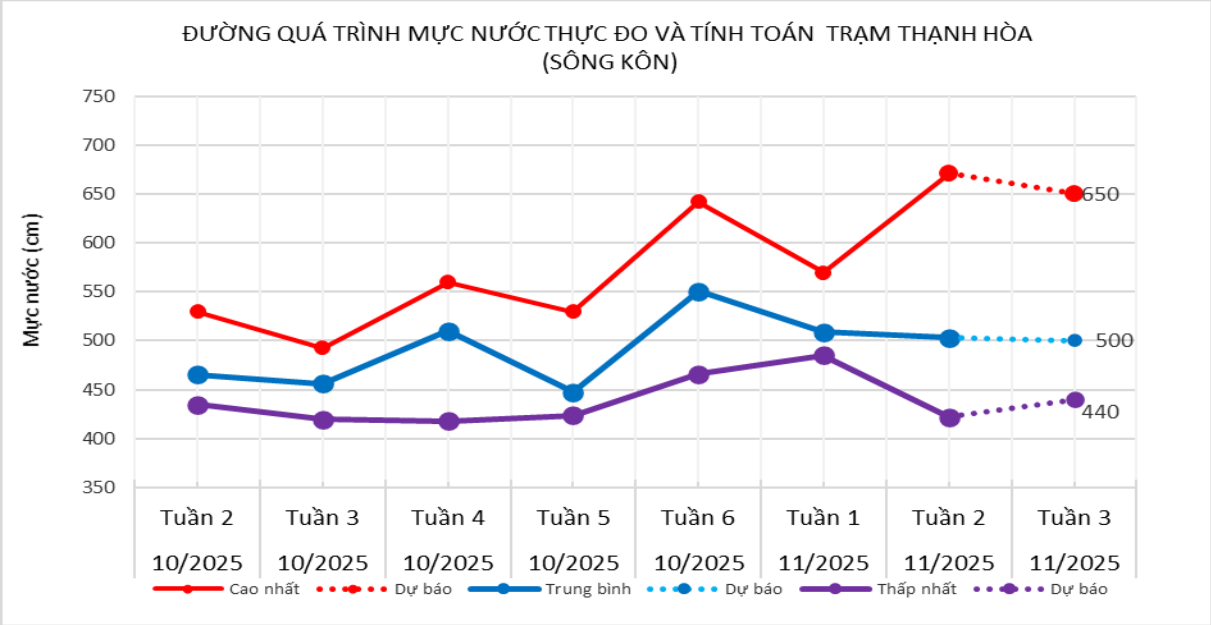
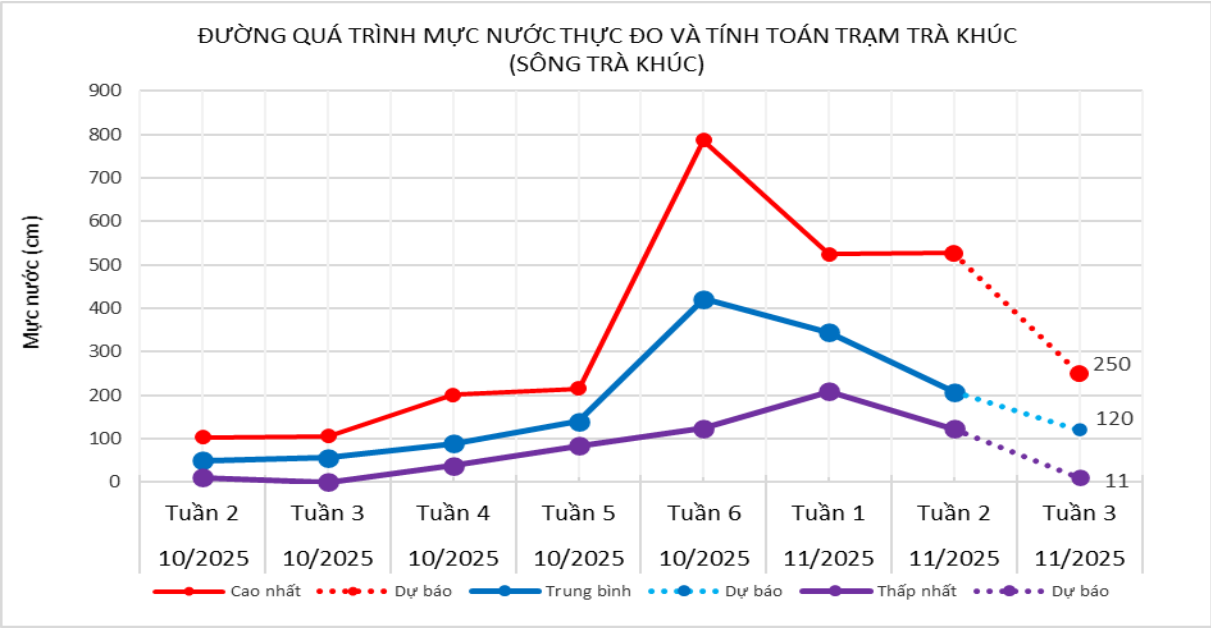
##### b. Dự báo, cảnh báo

- Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần tới, mực nước trên các sông có khả năng có dao động vào những ngày cuối.

Các sông từ Gia Lai đến Khánh Hòa: Mực nước trên các sông biến đổi chậm, ngày cuối có khả năng lên trở lại.







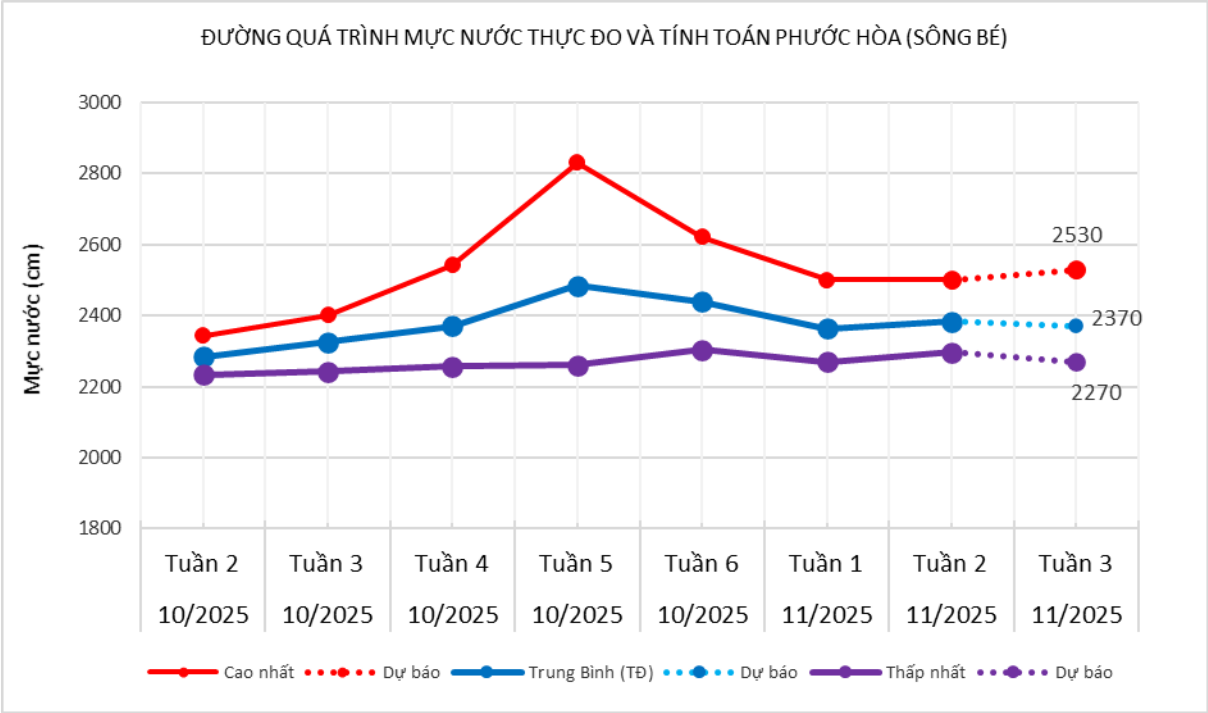
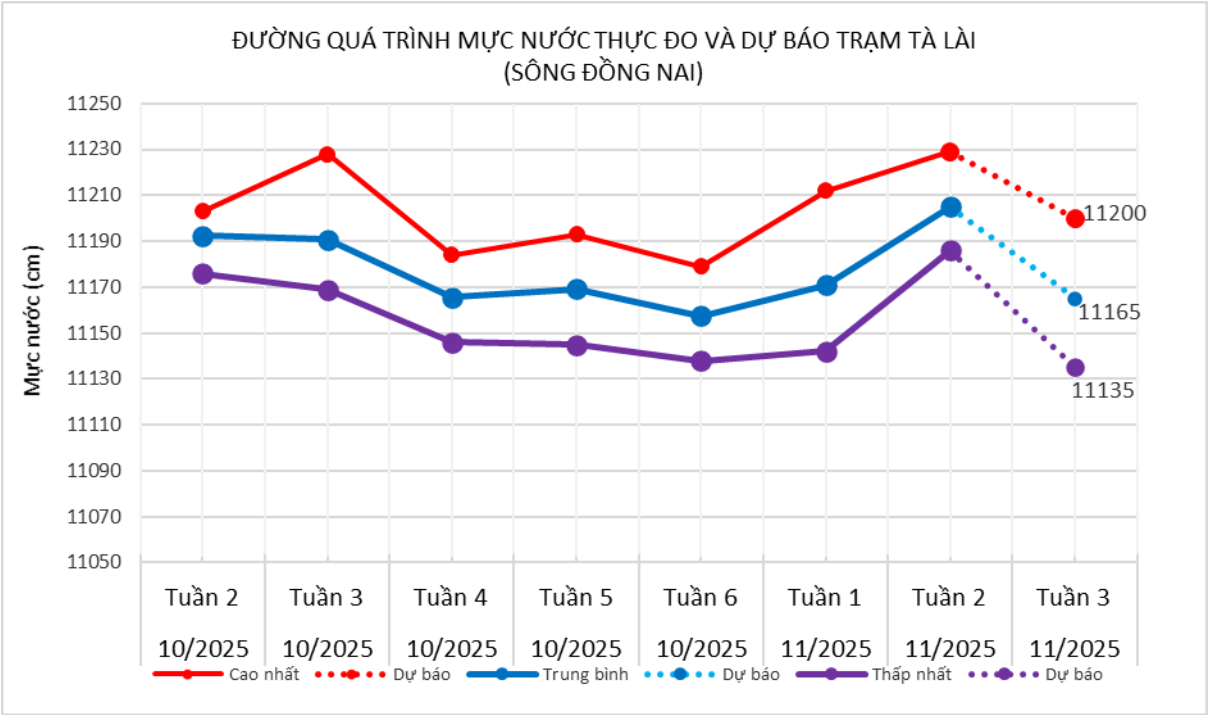
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trong 05 ngày qua, mực nước trên sông Đồng Nai và sông Bé có dao động. Mực nước cao nhất trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài ở trên mức BĐ1.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước trên sông Đồng Nai, sông Bé khả năng có dao động, ở hạ lưu dao động theo điều tiết của hồ chứa.



## 6. Lưu vực sông Mê Công

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

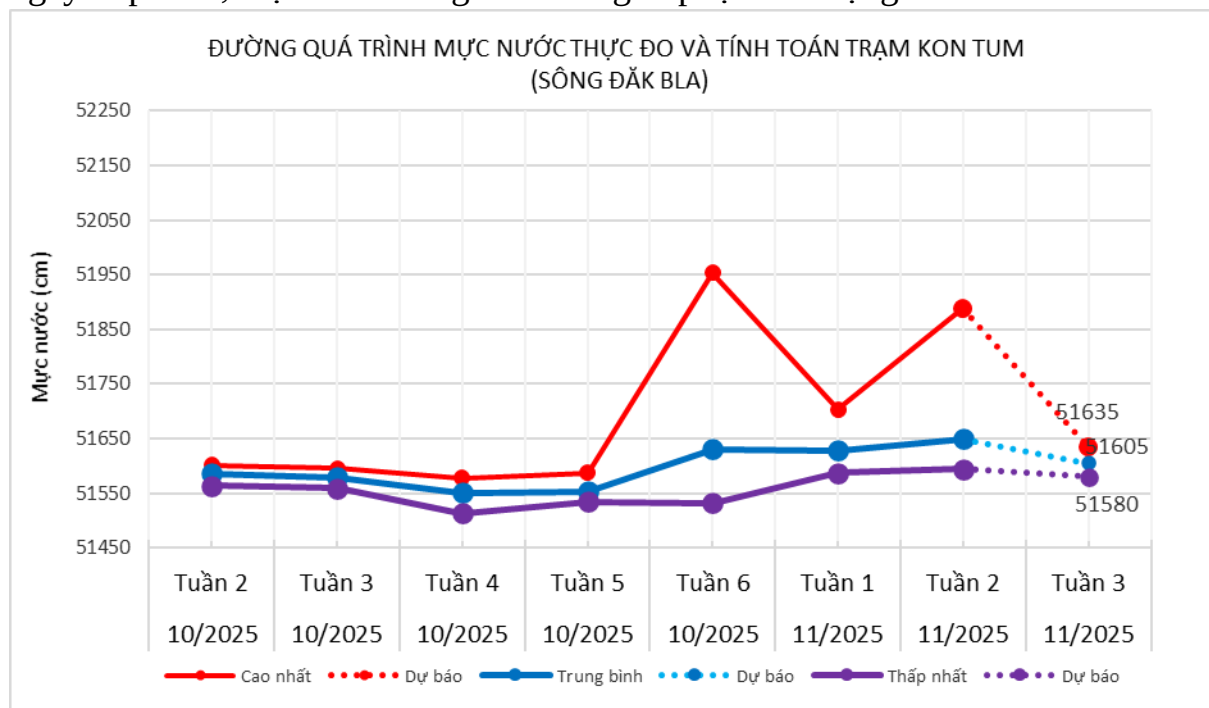
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Trên các sông đã xuất hiện 1 đợt lũ, đỉnh lũ lên mức BĐ1-BĐ2, có sông trên BĐ2. Đỉnh lũ trên sông Đăk Bla (Quảng Ngãi) tại trạm KonPlông là 594,33m (01h/07/11), dưới BĐ3 0,17m, tại trạm Kon Tum là 518,89m (05h/07/11), dưới BĐ2 0,61m; trên sông Krông Ana (Đăk Lăk) tại trạm Giang Sơn là 421,04m (13h/09/11), dưới BĐ2 0,96m; trên sông Srêpôk (Đăk Lăk) tại trạm Bản Đôn là 174,23m (15h/07/11), trên BĐ3 0,23m. Hiện tại, mực nước trên các sông thuộc lưu vực sông Sê San đã xuống dưới BĐ1, sông Krông Ana và Srêpôk vẫn còn trên BĐ1.

- Sông Cửu Long: Trong 10 ngày qua, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều với xu thế xuống dần. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 3,27m (ngày 7/11), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 3,11m (ngày 6/11), trên BĐ1 0,11m.

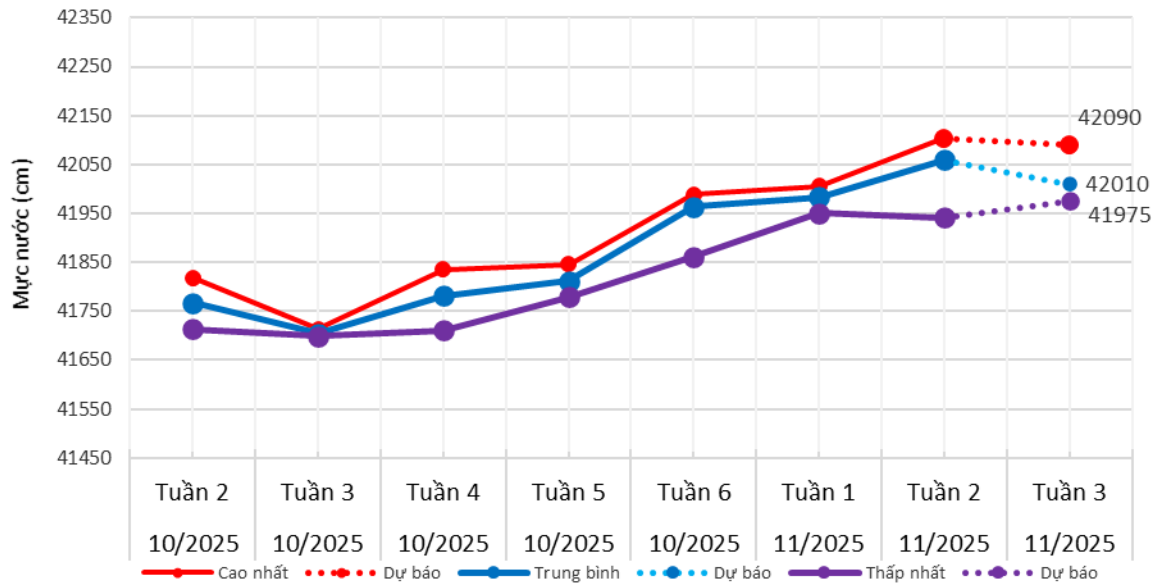
### b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Lũ trên sông Krông Ana, sông Srêpôk tiếp tục xuống và ở trên mức BĐ1 trong ngày đầu sau tiếp tục xuống dưới mức BĐ1. Mực nước các sông khác dao động theo vận hành điều tiết của các hồ chứa thủy điện.

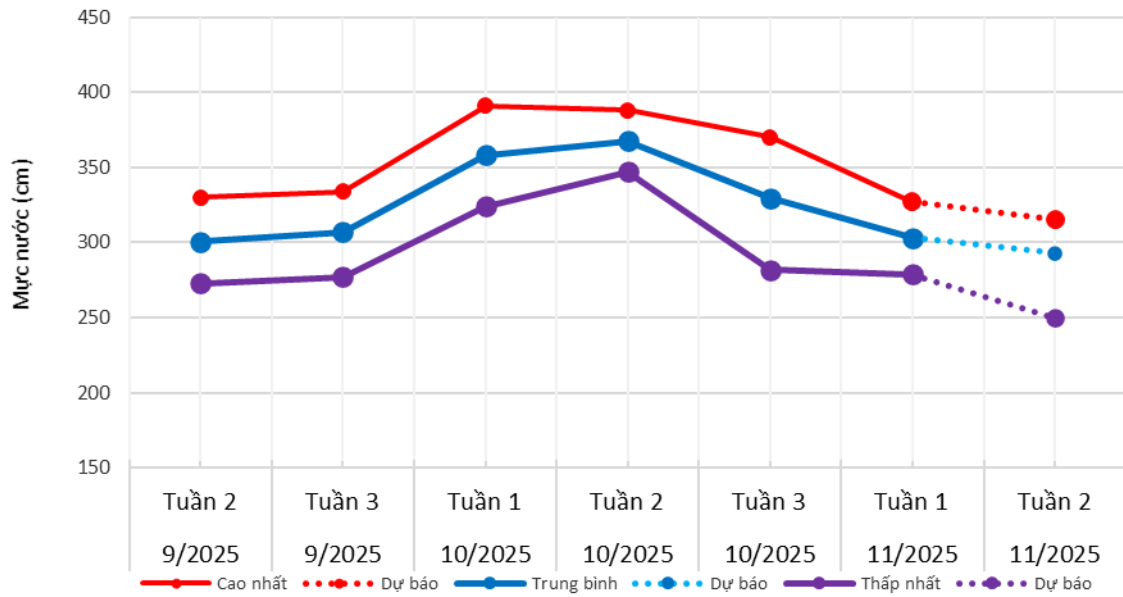
- Sông Cửu Long: Trong 10 ngày đầu, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long sẽ dao động theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 3,15m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 3,00m, ở mức BĐ1. Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước sông Cửu Long tiếp tục dao động theo triều.

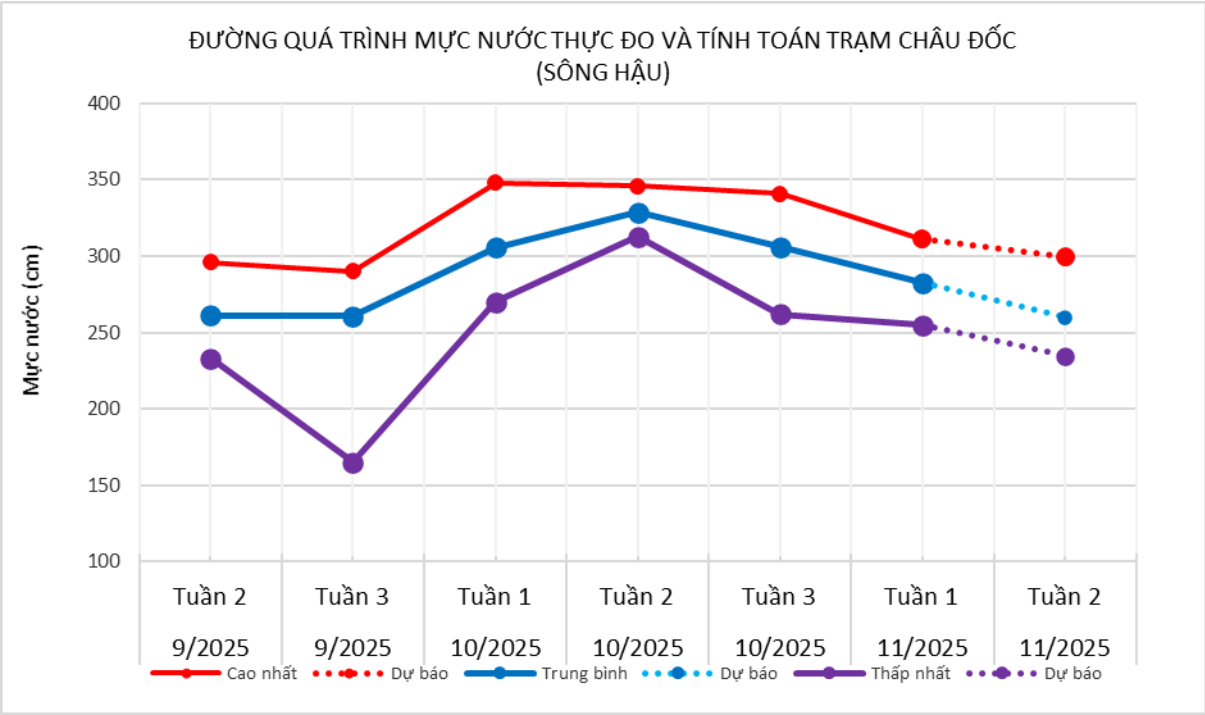


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIANG SƠN  
(SÔNG KRÔNG ANA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TÂN CHÂU  
(SÔNG TIỀN)





**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 16/11/2025**

**Tin phát lúc: 15h00**

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**

**Nguyễn Thị Như Quỳnh**

**Phụ lục**  
**Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm**

| Sông      | Trạm            | Thực đo    |          |           | Dự báo     |          |           |            |          |           |            |          |           |
|-----------|-----------------|------------|----------|-----------|------------|----------|-----------|------------|----------|-----------|------------|----------|-----------|
|           |                 |            |          |           | 5 ngày đầu |          |           | 5 ngày sau |          |           | 10 ngày    |          |           |
|           |                 | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất |
| Sông Đà   | Hòa Bình (Q)    | 1946       | 4853     | 40        | 2360       | 4500     | 250       | 1600       | 3300     | 40        | 1980       | 4500     | 40        |
| Thao      | Yên Bái         | 2626       | 2754     | 2497      | 2700       | 2800     | 2600      | 2600       | 2750     | 2550      | 2650       | 2800     | 2550      |
| Thao      | Phú Thọ         | 1309       | 1363     | 1249      | 1350       | 1400     | 1285      | 1300       | 1350     | 1250      | 1325       | 1400     | 1250      |
| Lô        | Tuyên Quang     | 1430       | 1580     | 1283      | 1410       | 1600     | 1270      | 1390       | 1590     | 1270      | 1400       | 1600     | 1270      |
| Lô        | Vụ Quang        | 614        | 742      | 485       | 620        | 740      | 510       | 630        | 705      | 530       | 625        | 740      | 510       |
| Cầu       | Đáp Cầu         | 158        | 235      | 99        | 155        | 235      | 85        | 145        | 200      | 70        | 150        | 235      | 70        |
| Thương    | Phủ Lạng Thương | 131        | 232      | 63        | 150        | 230      | 85        | 140        | 200      | 70        | 145        | 230      | 70        |
| Lục Nam   | Lục Nam         | 112        | 230      | 39        | 140        | 225      | 75        | 130        | 195      | 65        | 135        | 225      | 65        |
| Hồng      | Hà Nội          | 224        | 367      | 120       | 280        | 360      | 220       | 220        | 280      | 180       | 250        | 360      | 180       |
| Thái Bình | Phả Lại         | 136        | 196      | 50        | 140        | 235      | 75        | 130        | 200      | 65        | 135        | 235      | 65        |
| Mã        | Giàng           | 111        | 236      | -41       | 85         | 215      | -45       |            |          |           |            |          |           |
| Cả        | Nam Đàn         | 163        | 235      | 76        | 140        | 195      | 65        |            |          |           |            |          |           |
| La        | Linh cảm        | 148        | 244      | 35        | 75         | 175      | -15       |            |          |           |            |          |           |
| Gianh     | Mai Hóa         | 90         | 224      | -31       | 48         | 180      | -40       |            |          |           |            |          |           |

| Sông      | Trạm      | Thực đo    |          |           | Dự báo     |          |           |            |          |           |            |          |           |
|-----------|-----------|------------|----------|-----------|------------|----------|-----------|------------|----------|-----------|------------|----------|-----------|
|           |           |            |          |           | 5 ngày đầu |          |           | 5 ngày sau |          |           | 10 ngày    |          |           |
|           |           | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất | Trung bình | Cao nhất | Thấp nhất |
| Hương     | Kim Long  | 111        | 211      | 41        | 52         | 95       | 40        |            |          |           |            |          |           |
| Thu Bồn   | Câu Lâu   | 151        | 278      | 43        | 70         | 180      | 20        |            |          |           |            |          |           |
| Trà Khúc  | Trà Khúc  | 206        | 527      | 123       | 120        | 250      | 11        |            |          |           |            |          |           |
| Kôn       | Thanh Hòa | 499        | 674      | 422       | 500        | 650      | 440       |            |          |           |            |          |           |
| Đà Rằng   | Phú Lâm   | 95         | 246      | -36       | 25         | 110      | -30       |            |          |           |            |          |           |
| Đăkbla    | Kon Tum   | 51696      | 51889    | 51595     | 51605      | 51635    | 51580     |            |          |           |            |          |           |
| Krông Ana | Giang Sơn | 42061      | 42104    | 41941     | 42010      | 42090    | 41975     |            |          |           |            |          |           |
| Đồng Nai  | Tà Lài    | 11191      | 11229    | 11142     | 11165      | 11200    | 11135     |            |          |           |            |          |           |
| Bé        | Phước Hòa | 2376       | 2500     | 2270      | 2370       | 2530     | 2270      |            |          |           |            |          |           |
| Tiền      | Tân Châu  | 304        | 327      | 279       | 295        | 315      | 260       | 290        | 310      | 250       | 293        | 315      | 250       |
| Hậu       | Châu Đốc  | 283        | 311      | 255       | 265        | 300      | 245       | 255        | 295      | 235       | 260        | 300      | 235       |